TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2018/DS-PT
Ngày 21 tháng 11 năm 2018
"V/v tranh chấp thừa kế; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp
Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2017/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 về *"Tranh chấp di sản thừa kế; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1683/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm H, sinh năm 1951 – Có mặt;

Trú ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh Hựu, huyện G, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Châu Văn T, sinh năm 1978; Trú 252/4/11 Vườn Lài, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2018) – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lâm Vĩnh D, sinh năm 1933; Trú 180/47 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố H – Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Lâm Thị Thu O, sinh năm 1973; Trú cùng địa chỉ ông D (Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2017) – Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lâm Thị Phương N, sinh năm 1954; Trú 591/10/3 đường Bình Thới, Phường 10, Quận 11, Thành phố H – Vắng mặt.

3.2. Bà Lâm Thị N1, sinh năm 1937; Địa chỉ 13741 Clinton St.- Spc#77 – Garden Grove – CA 92843 – Vắng mặt.

3.3. Bà Lâm Thị T1, sinh năm 1945; Địa chỉ 12632 Sunswept Ave,- Apt#3 – Garden Grove – CA 92843 – Vắng mặt.

3.4. Ông Lâm T2 (Chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm T2:

3.4.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945 – Vắng mặt;

3.4.2. Anh Lâm Tấn Đ, sinh năm 1968 – Vắng mặt;

3.4.3. Anh Lâm Tấn C, sinh năm 1982 – Vắng mặt;

Cùng trú 13742 Cypress St. – Garden Grove – CA 92843.

3.4.4. Anh Lâm Tấn C, sinh năm 1973 – Vắng mặt;

Trú 13741 Clinton St.- Spc#44 – Garden Grove – CA 92843.

Người đại diện hợp pháp của các đương sự N, N1, T1, L, Đ, C, C1: Ông Lâm H (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2012 và 19/10/2011) – Có mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1945; Trú 180/47 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố H – Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Lâm Thị Thu O, sinh năm 1973; Trú cùng địa chỉ bà L1 (Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2017) – Có mặt;

3.6. Bà Lâm Thị Hoàng M, sinh năm 1947; Trú 190 Phan Thanh Giản, thị trấn Vĩnh Bình, huyện G, tỉnh T – Vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1936; Trú 62 Trần Chánh Chiểu, Phường 14, Quận 11, Thành phố H – Vắng mặt.

3.8. Bà Lâm Thị Phương D1, sinh năm 1958; Trú 22 Phan Châu Trinh, ấp Tây, thị trấn Vĩnh Bình, huyện G, tỉnh T – Vắng mặt.

3.9. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh T – Vắng mặt.

3.10. Ủy ban nhân dân tỉnh T – Vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn ông Lâm H.

4.2. Người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Lâm Thị Thu O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lâm H và người đại diện trình bày:

Vợ chồng cụ Lâm T3 (chết năm 1963) và cụ Nguyễn Thị B (chết năm 2009) có 07 con chung gồm: Lâm Vĩnh D, Lâm H, Lâm Thị N1, Lâm Thị T1, Lâm Thị Hoàng

M, Lâm Thị Phương N và Lâm T2 (chết năm 2011 có vợ là Nguyễn Thị L và các con là Lâm Tấn Đ, Lâm Tấn C, Lâm Tấn C1). Sinh thời, tài sản của hai cụ có ngôi nhà ba gian tường lợp ngói trên diện tích thổ cư 282,5 m^2 tại số 190 Phan Thanh Giản, ấp Tây, thị trấn Vĩnh Bình, huyện G, tỉnh T (Sau đây viết tắt là nhà số 190 Phan Thanh Giản); 1,5 hécta đất lúa và khoảng hơn 1.500 m^2 đất vườn ở ấp Phú Quí, xã Vĩnh Hựu, huyện G, tỉnh T. Tài sản trong nhà có một tủ thờ cẩm lai, hai tủ đứng, hai bàn dài, 12 ghế đai, 01 bộ salon, 01 bộ ván 3 tấm và 02 giường, tất cả đều bằng cây gõ.

Năm 1975, tất cả đất đưa vào hợp tác xã đến năm 1998 hợp tác xã giải thể thực hiện chính sách bình quân nhân khẩu, Nhà nước giao cho ông Lâm H 5,5 công ruộng, phần còn lại kể cả 1,5 công ruộng gắn với ngôi nhà giao cho cụ B quản lý. Lúc này chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1991 – 1992, cụ B chia cho Lâm H 04 công ruộng, Lâm Thị Hoàng M 2,5 công ruộng, Lâm Thị T1 02 công đất. Do làm thủy lợi nên bị mất 01 công đất. Năm 1993, những người được cụ B cho đất đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không ai tranh chấp. Cụ B quản lý và được cấp giấy chứng nhận sở hữu ngôi nhà số 190 Phan Thanh Giản.

Năm 2002, cụ B lập di chúc phân chia tài sản đất và nhà số 190 Phan Thanh Giản cho ông Lâm Vĩnh D, nhưng vào thời điểm này cụ B đã 90 tuổi không còn minh mẫn. Năm 2003, cụ B làm thủ tục chuyển nhượng cho chị M 55,9 m^2 đất ở, phần còn lại cho ông D. Chị M và ông D đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2009 cụ B chết, ông D có ý định bán nhà đất nên ông H tranh chấp. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia di sản thừa kế là nhà và đất số 190 Phan Thanh Giản mà ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/3/2004 thành 7 kỷ phần bằng nhau. Ông xin nhận 5 phần của Lâm H, Lâm Phương N, Lâm Thị T1, Lâm Thị N1, Lâm T2 và xin nhận bằng hiện vật.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00116 ngày 23/3/2004 đã cấp cho Lâm Vĩnh D.

- Chia tài sản trong nhà với giá trị 100.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lâm Vĩnh D do chị Lâm Thị Thu O đại diện trình bày:

Hàng thừa kế và người để lại di sản như nguyên đơn trình bày là đúng;

Phần nhà đất và tài sản tranh chấp tại số 190 Phan Thanh Giản là của cụ B đã lập di chúc và hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cho ông D, chị M nên không còn là di sản thừa kế. Trong quá trình sử dụng nhà, gia đình có sửa chữa nhà với số tiền 50.000.000 đồng. Do vậy không đồng ý tất cả yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Thị Phương N, Lâm Thị N1, Lâm Thị T1, Nguyễn Thị L, Lâm Tấn Đ, Lâm Tấn C, Lâm Tấn C1 trình bày: Nhất trí với ông Lâm H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Nhất trí với chị Lâm Thị Thu O.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàng V trình bày: Phần nhà đất do ông Nguyễn Hoàng V được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 12489 ngày 20/01/2003 là do cụ B đã cho vợ chồng bà M – ông V. Tài sản trong nhà thì cụ B đã cho ông D. Do vậy không đồng ý tất cả yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Phương D1 trình bày: Bà có nhận chuyển nhượng của ông D 206 m^2 đất và nhà gắn liền trên đất tại số 190 Phan Thanh Giản. Bà và ông D sẽ tự thương lượng, bà không có tranh chấp cũng không có ý kiến gì trong vụ kiện này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G có ý kiến: Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 43, diện tích 282,5 m^2 loại đất thổ cư tọa lạc tại ấp Tây, xã Vĩnh Bình, huyện G do cụ Lâm T3 và Nguyễn Thị B quản lý sử dụng đến năm 1963 cụ T3 chết thì cụ B tiếp tục quản lý sử dụng đến ngày 28/8/2003 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00116. Năm 2003, cụ B lập hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cho con là Lâm Vĩnh D thửa đất số 152, diện tích đo đạc thực tế 208,85 m^2 (sau khi đã trừ diện tích đất đã cấp cho bà Lâm Thị Hoàng M); Hợp đồng được Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Bình ký xác nhận ngày 18/12/2003. Ngày 23/3/2004, ông Lâm Vĩnh D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh T có ý kiến: Ngày 16/4/2002, bà Lâm Thị Hoàng M có đơn xin xác nhận đất thổ cư do mẹ ruột là cụ Nguyễn Thị B tặng cho, được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bình ký xác nhận đất không có tranh chấp, nội dung cụ B đồng ý cắt cho con là bà Mai 71,5 m^2 đất thổ cư và xác nhận điểm chỉ của cụ B cùng chữ ký ghi tên các ông bà Lâm Vĩnh D, Lâm H, Lâm Thị T1, Lâm Thị Phương N, Lâm Thị N2. Ngày 20/01/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh T đã cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Lâm Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàng V 55,9 m^2 là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2014/DSST ngày 15/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giao cho ông Lâm Vĩnh D được quyền sở hữu ngôi nhà cùng các tài sản trong nhà (Có biên bản kèm theo).

Ông D có nghĩa vụ hoàn trả giá trị căn nhà nhà và tài sản trong nhà cho ông Lâm H tương ứng với 5 kỷ phần gồm Lâm H, Lâm Phương N, Lâm Thị T1, Lâm Thị N1, Lâm T2 (mất có vợ con là: Nguyễn Thị L, Lâm Tấn Đ, Lâm Tấn C, Lâm Tấn C1)

với số tiền là 83.026.845 đồng; hoàn trả giá trị căn nhà nhà và tài sản trong nhà cho bà Lâm Thị Hoàng M tương ứng với 01 kỷ phần là 16.605.368 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lâm H đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00116 ngày 23/3/2004 của Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Lâm Vĩnh D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12489 ngày 20/01/2003 cấp cho bà Lâm Thị Hoàng M, ông Nguyễn Hoàn V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/7/2014, nguyên đơn ông Lâm H có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 194/2016/DS-PT ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy bản án dân sự sơ thẩm số 26/2014/DSST ngày 15/7/2014 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh T giải quyết lại vụ án.

Trong quá trình giải quyết lại vụ án, nguyên đơn ông Lâm H rút yêu cầu khởi kiện đối với phần nhà đất hiện do bà Lâm Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàn V đang quản lý sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12489 ngày 20/01/2003 và rút yêu cầu khởi kiện đối với trị giá tài sản trong nhà 100.000.000 đồng, mà yêu cầu chia tài sản trong nhà theo giá trị các bên thống nhất 11.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2017/DSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Áp dụng các điều 634, 635, 674, 676, khoản 3 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 227, 228, 244, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lâm Thị Phương N, Lâm Thị N1, Lâm Thị T1; Nguyễn Thị L, Lâm Tấn Đ, Lâm Tấn C, Lâm Tấn C1:

Xác định ngôi nhà tọa lạc tại số 190 Phan Thanh Giản, ấp Tây (nay là Khu phố 2), thị trấn Vĩnh Bình, huyện G cùng giá trị tài sản trong nhà đã bán trị giá 11.000.000 đồng là di sản do cụ Nguyễn Thị B chết để lại.

Chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm 07 người con, mỗi người một kỷ phần với số tiền 16.605.368 đồng.

Giao cho ông Lâm Vĩnh D được quyền sở hữu ngôi nhà và trị giá tài sản trong nhà ông D đã bán số tiền 11.000.000 đồng tọa lạc tại số 190 Phan Thanh Giản, ấp Tây (nay là Khu phố 2), thị trấn Vĩnh Bình, huyện G (Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Ông Lâm Vĩnh D có nghĩa vụ hoàn trả giá trị các kỷ phần thừa kế cho ông Lâm H với số tiền 83.026.845 đồng *(Tám mươi ba triệu không trăm hai mươi sáu ngàn không trăm sáu mươi tám đồng)*[tương ứng 05 kỷ phần thừa kế của Lâm H, Lâm Phương N, Lâm Thị T1, Lâm Thị N1, Lâm T3 (mất có vợ con là: Nguyễn Thị L, Lâm

Tấn Đ, Lâm Tấn C, Lâm Tấn C1)]; bà Lâm Thị Hoàng M số tiền 16.605.368 đồng *(Mười sáu triệu sáu trăm lẽ năm ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng)*.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lâm Thị Phương N, Lâm Thị N1, Lâm Thị T1; Nguyễn Thị L, Lâm Tấn Đ, Lâm Tấn C, Lâm Tấn C1 về việc xin chia thừa kế phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 208,85 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông Lâm Vĩnh D đứng tên; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00116 ngày 23/3/2004 do ông Lâm Vĩnh D đứng tên.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm H phải chịu 4.151.342 đồng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng, nên còn phải nộp tiếp 3.951.342 đồng.

Ông Lâm Vĩnh D phải chịu 830.268 đồng.

Bà Lâm Thị Hoàng M phải chịu 830.268 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản trị giá 100.000.000 đồng; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia phần đất do bà Lâm Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàng V đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tuyên về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2017, ông Lâm H có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Ngày 12/10/2017, chị Lâm Thị Thu O đại diện cho ông Lâm Vĩnh D có đơn kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Lâm H kháng cáo yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất có căn nhà số 190 Phan Thanh Giản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lâm Vĩnh D vì theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện đối với di sản của cụ Lâm T3 vẫn còn, nhưng bản án sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đối với di sản của cụ T3 đã hết nên không chia thừa kế đối với phần đất là không đúng. Ông yêu cầu được nhận ngôi nhà bằng hiện vật để thờ cúng và sẽ trả cho ông D giá trị kỷ phần thừa kế. Ông thống nhất giá trị căn nhà là 105.237.585 đồng và không kháng cáo đối với phần chia thừa kế giá trị nhà, số tiền bán tài sản trong nhà trị giá 11.000.000 đồng.

Chị Lâm Thị Thu O đại diện cho bị đơn rút toàn bộ kháng cáo; đề nghị bác toàn bộ kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị thống nhất giá trị căn nhà là 105.237.585 đồng.

Kiểm sát viên có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của ông Lâm H và đơn kháng cáo của chị Lâm Thị Thu O đều trong thời hạn luật định, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm nhưng tại phiên tòa chị O rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối

với phần kháng cáo đã rút; Về nội dung do cụ B đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông D và Ủy ban nhân dân có thẩm quyền xác định việc cụ B chuyển quyền sử dụng đất cho ông D đúng quy định của pháp luật nên di sản của cụ T3, cụ B là đất đã không còn. Do đó đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lâm H và đơn kháng cáo của chị Lâm Thị Thu O đại diện cho ông Lâm Vĩnh D đều trong thời hạn luật định; Chị O được ông D ủy quyền kháng cáo, nên các đơn kháng cáo của các đương sự đều đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc chị O rút toàn bộ kháng cáo là tự nguyện nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông D do chị O đại diện.

[3] Các bên đương sự đều thống nhất về người thừa kế, người để lại di sản và thời điểm mở thừa kế.

Các bên đương sự đều thống nhất tài sản đang tranh chấp gồm: Diện tích 206 m^2 (đo đạc thực tế 208,85 m^2), căn nhà tọa lạc trên đất số 190 Phan Thanh Giản, ấp Tây (nay là Khu phố 2), thị trấn Vĩnh Bình, huyện G, tỉnh T và các tài sản trong nhà trị giá 11.000.000 đồng đều có nguồn gốc của cụ Lâm T3 và cụ Nguyễn Thị B để lại.

Cụ Lâm T3 chết năm 1963 không có di chúc. Các tài sản của hai cụ đều do cụ Nguyễn Thị B quản lý sử dụng. Khi cụ B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00116 QSDĐ/722/QĐ.UB ngày 29/8/2003 thửa đất số 43, tờ bản đồ số 152, diện tích 182,5 m^2, loại đất ở thì các con của cụ T3, cụ B đều không có ý kiến gì và cũng không có ai tranh chấp.

[4] Cụ B là người không biết chữ nhưng Di chúc đề ngày 30/9/2002 của cụ B lại không có người làm chứng theo quy định tại Điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995, nên Di chúc này không được coi là hợp pháp.

[5] Theo quy định của pháp luật tại thời điểm cụ Nguyễn Thị B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất của cụ T3 đã hết *(Điều 36 Pháp lệnh thừa kế, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 648 Bộ luật dân sự năm 1995: Đối với thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990 và thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế, khởi kiện để yêu cầu chia di sản là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế)*, do đó việc cụ B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 52 là hợp pháp và kể từ đây thửa đất này đã không còn là di sản của cụ T3 nữa mà đã

chuyển thành quyền sử dụng hợp pháp riêng của cụ B không ai tranh chấp. Ngày 18/12/2003, cụ B lập hợp đồng chuyển quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 208,85 m^2 thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 52 cho ông Lâm Vĩnh D. Việc chuyển quyền sử dụng đất giữa cụ B với ông D phù hợp với quy định của pháp luật nên diện tích 208,85 m^2 thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 52 đã thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông D, không còn là di sản của cụ B, cụ T3 nên không có căn cứ để chia thừa kế đối với diện tích đất này và do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Lâm H.

[6] Theo quy định tại Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Đối với thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990 và khi xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế mà thời điểm mở thừa kế trước ngày 01/7/1991 và di sản là nhà ở thì thời gian từ ngày 01/7/1991 đến ngày 01/9/2006 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia. Nguyên đơn khởi kiện vào ngày 15/01/2010, như vậy thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản là nhà ở đối với căn nhà số 190 Phan Thanh Giản của cụ Lâm T3 và cụ Nguyễn Thị B vẫn còn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đối với di sản là nhà ở của cụ Lâm T3 đã hết là không đúng, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà số 190 Phan Thanh Giản là di sản của riêng cụ Nguyễn Thị B cũng là không đúng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà và tài sản trong nhà là đã đảm bảo được quyền lợi của tất cả các thừa kế của cụ Lâm T3 và cụ Nguyễn Thị B, nên không nhất thiết phải hủy bản án sơ thẩm, mà chỉ cần sửa bản án sơ thẩm và xác định căn nhà số 190 Phan Thanh Giản vẫn còn là di sản của cụ Lâm T3 và cụ Nguyễn Thị B.

Căn nhà số 190 Phan Thanh Giản không thể chia bằng hiện vật cho tất cả các thừa kế của cụ Lâm T3, Nguyễn Thị B và căn nhà này tọa lạc trên thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lâm Vĩnh D nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Lâm Vĩnh D sở hữu căn nhà và buộc ông D thanh toán giá trị cho các thừa kế là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Lâm H yêu cầu giao cho ông Lâm H sở hữu căn nhà.

Giá trị căn nhà là 105.237.585 đồng + tiền bán tài sản trong nhà 11.000.000 đồng = 116.237.585 đồng. Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 116.237.585 đồng /7 = 16.605.368 đồng. Do tiền đồng Việt Nam không có mệnh giá hàng chục và hàng đơn vị nên làm tròn 16.605.400 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bà Lâm Phương N, Lâm Thị T1, Lâm Thị N1 và các thừa kế của ông Lâm T2 (chết) gồm: Nguyễn Thị L, Lâm Tấn Đ, Lâm Tấn C và Lâm Tấn C1 chỉ ủy quyền cho ông Lâm H tham gia tố tụng, không ủy quyền cho ông H nhận kỷ phần thừa kế nhưng bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Lâm Vĩnh D hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế của những người này cho ông Lâm H là không đúng nên sửa án sơ thẩm, tuyên buộc ông

Lâm Vĩnh D hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho mỗi thừa kế của cụ Lâm T3 và Nguyễn Thị B.

[7] Ông Lâm H, Lâm Vĩnh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định người cao tuổi được miễn án phí. Ông Lâm H, Lâm Vĩnh D và bà Lâm Thị Hoàng M đều là người cao tuổi nhưng bản án sơ thẩm đã buộc họ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, nên sửa án sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lâm H, Lâm Vĩnh D và bà Lâm Thị Hoàng M.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản trị giá 100.000.000 đồng; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia phần đất do bà Lâm Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàng V đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 3 Điều 284; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lâm Vĩnh D do chị Lâm Thị Thu O đại diện.

[3] Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 96/2017/DSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T như sau:

3.1. Không chấp nhận khởi kiện của ông Lâm H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Lâm Thị Phương N, Lâm Thị N1, Lâm Thị T1; Nguyễn Thị L, Lâm Tấn Đ, Lâm Tấn C, Lâm Tấn C1 yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất do ông Lâm Vĩnh D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00116 ngày 23/3/2004, diện tích 206 m^2 (đo đạc thực tế 208,85 m^2) thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 152 tọa lạc tại ấp Tây, thị trấn Vĩnh Bình, huyện G, tỉnh T và không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00116 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Lâm Vĩnh D ngày 23/3/2004.

3.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Lâm Thị Phương N, Lâm Thị N1, Lâm Thị T1; Nguyễn Thị L, Lâm Tấn Đ, Lâm Tấn C, Lâm Tấn C1.

Xác định ngôi nhà tọa lạc tại số 190 Phan Thanh Giản, ấp Tây (nay là Khu phố 2), thị trấn Vĩnh Bình, huyện G cùng giá trị tài sản trong nhà đã bán trị giá 11.000.000 đồng là di sản của cụ Lâm T3 và cụ Nguyễn Thị B để lại.

Giao cho ông Lâm Vĩnh D được quyền sở hữu số tiền 11.000.000 đồng (trị giá tài sản trong nhà ông D đã bán) và quyền sở hữu ngôi nhà tọa lạc tại số 190 Phan Thanh Giản, ấp Tây (nay là Khu phố 2), thị trấn Vĩnh Bình, huyện G, tỉnh T (Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lâm T3 và cụ Nguyễn Thị B gồm 07 người con, mỗi người một kỷ phần với số tiền 16.605.400 đồng/kỷ phần.

Buộc ông Lâm Vĩnh D hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các ông, bà: Lâm H, Lâm Thị Phương N, Lâm Thị T1, Lâm Thị N1, Lâm Thị Hoàng M mỗi người 16.605.400 đồng/người *(Mười sáu triệu sáu trăm lẽ năm ngàn bốn trăm đồng).*

Buộc ông Lâm Vĩnh D hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị L và các anh Lâm Tấn Đ, Lâm Tấn C, Lâm Tấn C1 (là các thừa kế của ông Lâm T2) 16.605.400 đồng *(Mười sáu triệu sáu trăm lẽ năm ngàn bốn trăm đồng).*

[4] Về án phí:

4.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lâm H, Lâm Vĩnh D và bà Lâm Thị Hoàng M.

Hoàn trả cho ông Lâm H tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 000342 ngày 22/11/2011 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

4.2. Ông Lâm H, Lâm Vĩnh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4.2.1. Hoàn trả cho ông Lâm H tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* biên lai số 002172 ngày 06/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

4.2.2. Hoàn trả cho ông Lâm Vĩnh D (do chị Lâm Thị Thu O đại diện) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 002189 ngày 12/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản trị giá 100.000.000 đồng; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia phần đất do bà Lâm Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàng V đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Văn Công